

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 11/8/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Anh Trí

- Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2019/TLST-DS ngày 19/12/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; theo quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 26/2020/QĐ-GHXX ngày 20/4/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 18/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S – Do ông S1 – Chức vụ: Giám đốc đại diện theo pháp luật.
Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Lệ T – sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận (theo giấy ủy quyền ngày 16/12/2019).

2. Bị đơn: - Bà Đinh Thị G – sinh năm 1975 (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S do bà Đặng Thị Lệ T là đại diện theo ủy quyền trình bày: Trước đây ngày 24 tháng 10 năm 2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G có mua vật liệu xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S (Gọi tắt là Công ty S) với tổng số tiền là 25.297.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng). Sau đó, Công ty S có đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G không trả. Nhiều lần Công ty S lập Giấy xác nhận nợ cho ông L và bà G ký vào nhưng cũng không trả, cụ thể như sau: Ngày 10/01/2019, Công ty S làm giấy cho vợ chồng ông L và bà G xác nhận nợ hạn đến ngày 01/4/2019 trả tiền gốc là 25.297.000đ và lãi là 10.603.000đ, tổng cộng 35.900.000đ nhưng ông L và bà G cũng không trả. Nay tại phiên tòa, bà Đặng Thị Lệ T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S đề nghị giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G trả cho Công ty S số tiền vốn 25.297.000đ và lãi chậm trả 0,75%/tháng từ ngày 24/11/2014 đến ngày 11/8/2020 là 13.015.302đ, tổng cộng 38.312.302đ (ba mươi tám triệu ba trăm mười hai ngàn ba trăm lẻ hai đồng) và lãi chậm trả phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S buộc vợ chồng Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S số tiền 38.312.302đ, trong đó tiền gốc 25.297.000đ và tiền lãi là 13.015.302đ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng vợ chồng Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của vợ chồng Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, vợ chồng Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông bà vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông bà đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với vợ chồng Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 18/6/2020 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện H1 nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ giấy ủy quyền của nguyên đơn ủy quyền cho bà Đặng Thị Lệ T đại diện là hợp lệ đúng quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

3. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì bị đơn có nợ tiền mua Vật liệu xây dựng của nguyên đơn là 25.297.000đ phù hợp biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/12/2015, ngày 29/6/2016 và ngày 10/01/2019 tất cả có chữ ký xác nhận nợ của bị đơn. Như vậy, bị đơn có mua Vật liệu xây dựng của nguyên đơn với số tiền nợ là 25.297.000đ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải cho nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S số tiền vốn 25.297.000đ và lãi chậm trả 0,75%/tháng từ ngày 24/11/2014 đến ngày 11/8/2020 là 13.015.302đ, tổng cộng 38.312.302đ (ba mươi tám triệu ba trăm mười hai ngàn ba trăm lẻ hai đồng) và lãi chậm trả phát sinh cho đến khi trả xong nợ là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vợ chồng Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G buộc phải trả tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S nên ông L và bà G phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Vợ chồng ông L và bà G phải chịu $38.312.302đ \times 5\% = 1.916.000đ$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 897.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S tiền nợ mua bán Vật liệu xây dựng là **38.312.302đ** (ba mươi tám triệu ba trăm mười hai ngàn ba trăm lẻ hai đồng), trong đó tiền gốc 25.297.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi là 13.015.302đ (mười ba triệu không trăm mười lăm ngàn ba trăm lẻ hai đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về án phí: Áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị G phải chịu 1.916.000đ (Một triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại S số tiền 897.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0028855 ngày 18/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang